

Phụ lục I-2013
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013
(Kèm theo Công văn số 4335 /UBND-KTTH ngày 30 / 7 /2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)
(Số liệu báo cáo đến ngày 31/3/2020)

Đvt: đồng.

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
TỔNG CỘNG			791.658.559.830	723.202.237.513	68.456.322.118	91%	
A	CÁC KHOẢN TĂNG THU		40.107.060.473	13.795.738.355	26.311.322.118	34%	
I	TĂNG THU NGÂN SÁCH, TẠI CỤC THUẾ		39.750.860.473	13.439.538.355	26.311.322.118	34%	
1	Thuế giá trị gia tăng		1.312.693.065	1.312.693.065	0	100%	Doanh nghiệp đang chờ ý kiến giải quyết của KTNN nên chưa thực hiện
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		27.729.976.911	1.418.654.793	26.311.322.118	5%	
3	Thuế tài nguyên		1.171.602.332	1.171.602.332	0	100%	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		33.737.800	33.737.800	0	100%	
5	Phí bảo vệ môi trường, phí khác		1.734.838.683	1.734.838.683	0	100%	
6	Thu khác		7.768.011.682	7.768.011.682	0	100%	
II	TĂNG THU KHÁC NGÂN SÁCH		356.200.000	356.200.000	0	100%	
1	Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định		356.200.000	356.200.000	0	100%	
	Huyện Tiên Phước	Thu hồi tạm ứng ngân sách huyện khoản tiền tạm ứng cho Công ty CP xi măng CoSevCo	356.200.000	356.200.000	0	100%	
B	CÁC KHOẢN THU HỒI VÀ GIẢM CHI NSNN		20.241.531.868	20.241.531.669	0	100%	
1	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		964.720.704	964.720.704	-	100%	
a)	Kinh phí thường xuyên				-		
b)	Vốn XD CB		964.720.704	964.720.704	-	100%	
b.1.	Các cơ quan tổng hợp		108.303.013	108.303.013	-	100%	
	- Sở Tài chính	Thu hồi nộp ngân sách huyện Thăng Bình dự án Đường trục chính vào CCN Hà Lam - Chợ Đước (GĐ2) do quyết toán sai khối lượng	108.303.013	108.303.013	0	100%	
b.2.	Các BQL dự án		755.186.699	755.186.699	0	100%	
	- Ban Quản lý dự án hạ tầng (thuộc BQL Khu KT mở Chu Lai)		454.498.815	454.498.815	0	100%	
	- Ban quản lý các dự án ĐTXD huyện Nam Trà My		300.687.884	300.687.884	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
b.3.	Các địa phương		101.230.992	101.230.992	0	100%	
	- Hội An		38.817.000	38.817.000	0	100%	
	Phòng Quản lý đô thị	Thu hồi nộp ngân sách do thanh toán sai khối lượng sai đơn giá (Dự án KDC Cẩm Phô)	38.817.000	38.817.000	0	100%	
	- Nam Giang		62.413.992	62.413.992	0	100%	
	Ban QL các DA ĐT và XD huyện Nam Giang	Giảm giá trị xây lắp và thu hồi nộp NSNN Dự án đường giao thông Trung tâm hành chính xã Đắc Tôi	62.413.992	62.413.992	0	100%	
2	Thu hồi, nộp trả ngân sách		8.471.683.058	8.471.683.058	0	100%	
a)	Ngân sách TW		1.407.855.400	1.407.855.400	0	100%	
	Huyện Tiên Phước	KP hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167: 56.400.000 đồng, KP CTMT quốc gia: 586.092.170 đồng, KP phòng chống ma túy: 4.000.000 đồng, tại các xã: 69.563.230 đồng	716.055.400	716.055.400	0	100%	
	Huyện Núi Thành	Trung ương kinh phí khắc phục cơn bão số 9 năm 2010 hết nhiệm vụ chi	526.400.000	526.400.000	0	100%	
	Huyện Đại Lộc	Vốn kế hoạch năm 2011-2012 chưa giải ngân hết	165.400.000	165.400.000	0	100%	
b)	Ngân sách tỉnh		7.063.827.658	7.063.827.658	0	100%	
	- Thành phố Hội An	Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí dồn điền đổi thửa hết nhiệm vụ chi	50.000.000	50.000.000	0	100%	
	- Huyện Điện Bàn	Nộp trả ngân sách tỉnh số kinh phí xây dựng quy hoạch nông thôn mới không sử dụng hết	137.707.375	137.707.375	0	100%	
	- Huyện Nam Giang		2.961.498.000	2.961.498.000	0	100%	
	Phòng Tài chính-KH	Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí thừa do hết nhiệm vụ chi	2.946.498.000	2.946.498.000	0	100%	
	Thị trấn Thanh Mỹ	Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí thừa do hết nhiệm vụ chi	15.000.000	15.000.000	0	100%	
	- Huyện Tiên Phước		3.568.171.330	3.568.171.330	0	100%	
	Phòng Tài chính-KH		3.498.608.100	3.498.608.100	0	100%	
	Thị trấn Tiên Kỳ		23.300.000	23.300.000	0	100%	
	Xã Tiên Phong		21.863.230	21.863.230	0	100%	
	Xã Tiên Mỹ		24.400.000	24.400.000	0	100%	
	- Huyện Phú Ninh	Kinh phí chương trình mục tiêu giáo dục còn thừa	76.037.953	76.037.953	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
	- Huyện Đại Lộc	Kinh phí hết nhiệm vụ chi: Khai hoang Làng Yều: 70.000.000 đồng, Chương trình mục tiêu 134, 135: 31.413.000 đồng, kinh phí khắc phục bão lụt 167.814.000 đồng..	270.413.000	270.413.000	0	100%	
3	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau		10.805.128.106	10.805.127.907	-	100%	
a)	Kinh phí thường xuyên		6.487.752.000	6.487.752.000	-	100%	
a.1.	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh		16.292.000	16.292.000	-	100%	
	Đài Phát thanh truyền hình		16.292.000	16.292.000	0	100%	
a.2.	Các huyện, thị xã, thành phố		6.471.460.000	6.471.460.000	-	100%	
	- Huyện Điện Bàn	Giảm số bổ sung có mục tiêu cho UBND huyện Điện Bàn	6.381.460.000	6.381.460.000	0	100%	
		Giảm bổ sung kinh phí thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ cấp thừa so với nhu cầu	2.167.460.000	2.167.460.000	0	100%	
		Giảm bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương do NS tỉnh bổ sung thừa so với nhu cầu	4.214.000.000	4.214.000.000	0	100%	
	- Huyện Nam Giang		90.000.000	90.000.000	0	100%	
	Phòng kinh tế - Hạ tầng	Giảm trừ dự toán năm sau do đơn vị được giao tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ- CP nhưng bổ sung ngoài dự toán để chi cho các hoạt động có tính chất tự chủ	40.000.000	40.000.000	0	100%	
	Văn phòng UBND huyện	Giảm trừ dự toán năm sau do bổ sung ngoài dự toán để mua sắm bàn ghế nhưng đơn vị không mua sắm bàn ghế mà chi nội dung khác có tính chất tự chủ	50.000.000	50.000.000	0	100%	
b)	Vốn XD CB		4.317.376.106	4.317.375.907	0	100%	
b.2.	Các BQL dự án		3.750.000.728	3.750.000.529	0	100%	
	- Ban Quản lý dự án hạ tầng (thuộc Ban Quản lý Khu KTM Chu Lai)		1.219.430.279	1.219.430.080	0	100%	
	- Ban Quản lý Văn phòng UBND tỉnh	Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định -> Xuất toán (giảm trừ) 2.530.571.224 đ khi thẩm tra, phê duyệt QT các dự án hoàn thành	2.530.570.449	2.530.570.449	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
b.1.	Các huyện, thị xã, thành phố		567.375.378	567.375.378	0	100%	
	- TP Hội An		565.367.613	565.367.613	0	100%	
	Phòng Quản lý đô thị	Giảm thanh toán năm sau dự án Dự án KDC Cẩm Phô: 350.924.613 đồng, Dự án KDC Tân Thịnh – Tân Mỹ: 214.443.000 đồng	565.367.613	565.367.613	0	100%	
	- BQL các dự án ĐTXD huyện Nam Trà My		2.007.765	2.007.765	0	100%	
C	CÁC KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TÀI CHÍNH KHÁC		723.955.967.489	681.810.967.489	42.145.000.000	94%	
1	Chi thường xuyên		496.720.975.559	454.575.975.559	42.145.000.000	92%	
a)	Khối tỉnh		490.529.523.744	448.384.523.744	42.145.000.000	91%	
	- Sở Tài chính		443.745.790.937	443.745.790.937	0	100%	
		Báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xử lý dứt điểm kinh phí cấp cho Công ty CP phát triển Đô thị và KCN Quảng Nam Đà Nẵng hỗ trợ tiền thuê lại đất có kết cấu hạ tầng	35.214.000.000	35.214.000.000		100%	
		Giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư	287.552.000.000	287.552.000.000	0	100%	
		Báo cáo lại việc xử lý nguồn hoàn trả nguồn thực hiện CCTL	97.295.000.000	97.295.000.000	0	100%	
		Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	13.315.000.000	13.315.000.000	0	100%	KTNN đã kiến nghị trùng lặp ở KTNN 2016, KTNN 2017, KTNN 2018, nên đề nghị theo dõi tại tình hình thực hiện KTNN 2016, 2017, 2018
		Nộp vào ngân sách tỉnh số phí chênh lệch 0,02% của phí tồn ngân KBNN còn lại đến thời điểm kiểm toán	2.544.400.000	2.544.400.000	0	100%	
		Giảm quyết toán chi, tăng chi chuyển nguồn kinh phí chưa thực chi của Tỉnh ủy	291.487.937	291.487.937		100%	
		Ghi thu ghi chi vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết cho Sở Y tế	5.000.000.000	5.000.000.000		100%	
		Bổ trí nguồn hoàn trả KP CTMT việc làm và dạy nghề	2.533.903.000	2.533.903.000	0	100%	
	- Sở Kế hoạch- Đầu tư		45.445.000.000	3.300.000.000	42.145.000.000	7%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
		Bổ trí nguồn hoàn trả Vốn CTMTQG giáo dục và đào tạo (STC)	4.350.000.000		4.350.000.000	0%	
		Bổ trí nguồn hoàn trả vốn CTMTQG nông thôn mới	3.300.000.000	3.300.000.000	0	100%	
		Bổ trí nguồn hoàn trả vốn CTMTQG việc làm và dạy nghề	37.795.000.000		37.795.000.000	0%	
	- Sở Giao thông vận tải	Hoàn trả nguồn kinh phí CCTL do đơn vị sử dụng chi khác	1.338.732.807	1.338.732.807	0	100%	
b)	Khối huyện		6.191.451.815	6.191.451.815	0	100%	
	- TP Hội An	Bổ trí hoàn trả nguồn KP CCTL do địa phương sử dụng nguồn CCTL để chi thường xuyên	4.549.000.000	4.549.000.000	0	100%	
	- Huyện Nam Giang		1.565.476.000	1.565.476.000	0	100%	
	Phòng Tài chính- KH huyện	Bổ trí nguồn hoàn trả do dùng kinh phí vượt thu NS năm 2013 cấp cho phòng Lao động TB- XH và các trường chi trả và quyết toán chính sách theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP	1.515.476.000	1.515.476.000	0	100%	
	Xã Tà Pơ	Giảm trừ dự toán năm sau do bổ sung ngoài dự toán để mua sắm bàn ghế nhưng đơn vị không mua sắm bàn ghế mà chi nội dung khác có tính chất tự chủ	50.000.000	50.000.000	0	100%	
	- Huyện Tiên Phước		76.975.815	76.975.815	0	100%	
	Thị trấn Tiên Kỳ	Kiến nghị khác (Thu tiền thuê đất sai thẩm quyền: 36.000.000 đồng, Bổ trí nguồn hoàn trả do sử dụng nguồn CCTL chi thường xuyên: 40.975.815 đồng)	76.975.815	76.975.815	0	100%	
2	Chi đầu tư XD CB		227.234.991.930	227.234.991.930	0	100%	
a)	Khối tỉnh		224.734.991.930	224.734.991.930	0	100%	
	- Sở Tài chính		213.411.551.620	213.411.551.620	0	100%	
		Báo cáo Chính phủ xin ý kiến xử lý đối với nguồn vốn kế hoạch năm 2011 chưa giải ngân hết phải nộp về NSTW theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ	23.639.478.000	23.639.478.000	0	100%	
		Hoàn trả tạm ứng TW	74.795.200.000	74.795.200.000	0	100%	
		Thu hồi tạm ứng vốn tồn ngân KBNN	56.835.909.051	56.835.909.051	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
		Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh	27.715.083.079	27.715.083.079	0	100%	
		Đôn đốc thu hồi tạm ứng thuộc kế hoạch năm 2010 trở về trước	30.425.881.490	30.425.881.490	0	100%	Theo số liệu đã TH tại kiến nghị KTNN 2016, nên đề nghị theo dõi tại tình hình thực hiện KTNN 2016
	- Ban Quản lý Khu KTM Chu Lai		6.263.010.000	6.263.010.000	0	100%	
	Ban Quản lý dự án hạ tầng	Chi phí đất nguyên liệu tận thu, phí bảo dưỡng hạ tầng vận chuyển đất	6.263.010.000	6.263.010.000	0	100%	
	- Văn phòng UBND tỉnh		5.060.430.310	5.060.430.310	0	100%	
	BQL Văn phòng UBND tỉnh	Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định	5.060.430.310	5.060.430.310	0	100%	
b)	Khối huyện		2.500.000.000	2.500.000.000	0	100%	
	- TP Hội An	Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh kinh phí dự án Lai Văn Kiều ứng nhiều năm trước chưa sử dụng	2.500.000.000	2.500.000.000	0	100%	
D	KIẾN NGHỊ KHÁC		7.354.000.000	7.354.000.000	0	100%	
1	Cục thuế	Xử lý các khoản nợ đọng phát hiện tăng thêm (Nợ đọng thuế 7.001 tr.đ; nợ đọng SDD 490,8 tr.đ; nợ đọng khác 137,8 triệu đồng)	7.354.000.000	7.354.000.000	0	100%	